

sinh được vào học phải làm cam kết khi mãn khóa sẽ phục vụ nhân dân theo sự phân phối điều động của Nhà nước.

Đặc biệt chú trọng giáo dục cho học sinh ý thức lao động mới, yêu nghề nghiệp, và trung thành với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Chấm dứt tình trạng khi ra trường không chịu nhận công tác theo sự phân phối điều động của Nhà nước.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ cùng các Bộ sử dụng công nhân, phải có kế hoạch kiểm kê công nhân và cán bộ kỹ thuật hiện có trong và ngoài biên chế, số yêu cầu các năm sắp đến, thừa thiếu hao nhiều để có kế hoạch đào tạo cụ thể, và mỗi khi có chủ trương xây dựng nhà máy mới phải có kế hoạch đào tạo công nhân cho nhà máy đó kịp thời.

3) *Đưa công nhân đi học ở các nước bạn* — Đưa công nhân, học sinh đi học ở các nước bạn, nên cho học những nghề mà trong nước chưa có hay không thể đào tạo được. Đối với những nghề trong nước tuy đã có nhưng kỹ thuật kém mà cần phải cho người đi học, thì phải chọn những cán bộ kỹ thuật, công nhân có nghề và có khả năng học tập được, tương đối giác ngộ về chính trị. Các ngành chuyên môn nên tính toán thời gian học tập, để bảo đảm học cho thành nghề, tránh tình trạng đưa người đã biết nghề này học nghề khác, hay đưa người chưa biết nghề đi học, không được vì cảm tình cá nhân hay vì quan hệ họ hàng thân thuộc mà cho đi học.

4) *Kinh phí bổ túc và đào tạo công nhân* — Bộ Tài chính cùng các Bộ chủ quản nghiên cứu quy định cụ thể các khoản kinh phí cho công tác bổ túc, đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân chuyên nghiệp theo hai nguyên tắc sau đây:

— Đào tạo cho kế hoạch Bộ, Cục hoặc xí nghiệp để chuẩn bị cho sản xuất đã được Nhà nước duyệt trong kế hoạch kinh tế quốc dân thì Bộ, Cục và xí nghiệp làm dự trù và do Nhà nước đài thọ.

— Bổ túc, đào tạo tại chức cho xí nghiệp và công trường thì tiền phí tổn cho công tác bổ túc và đào tạo đó sẽ do xí nghiệp, công trường chịu và hạch toán vào chi tiêu ngoài sản xuất.

Trong lúc chờ đợi quy định cụ thể, các ngành cần làm công tác cấp thiết trong vấn đề trên, phải đến bàn bạc với Bộ Tài chính để giải quyết thống nhất.

5) *Nhiệm vụ các Bộ* — Công tác bổ túc nghề nghiệp cho công nhân và đào tạo thợ mới hiện nay căn bản là do Bộ, ngành sử dụng công nhân chịu trách nhiệm chính. Các Bộ, các ngành, các ông Giám đốc các xí nghiệp, công trường phải coi trọng công tác bổ túc và đào tạo cho công

nhân, và sẽ tùy tình hình sản xuất, tùy yêu cầu khối lượng công tác mà tổ chức bộ máy hoặc cử cán bộ có năng lực phụ trách.

Nhiệm vụ của các bộ phận đó là: nghiên cứu chương trình kế hoạch, biện pháp, biên soạn tài liệu, lập dự trù kinh phí, tổ chức các lớp học cho công nhân, v.v... Bộ Lao động làm nhiệm vụ tổng hợp, có trách nhiệm cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ nghiên cứu xây dựng kế hoạch bổ túc và đào tạo công nhân, xây dựng các chính sách, góp ý kiến hướng dẫn trong việc chiêu sinh, quy định các chế độ phụ cấp, tham góp ý kiến về chương trình, nội dung, thời giờ giảng dạy, theo dõi kiểm tra đơn đốc, tổ chức trao đổi rút kinh nghiệm, giúp đỡ các ngành thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Chính phủ; cùng Tổng liên đoàn lao động Việt-nam và các đoàn thể quần chúng động viên phong trào học tập nghề nghiệp trong công nhân.

Trong khi thi hành chỉ thị này, các Bộ có gặp điều gì trở ngại sẽ cùng Bộ Lao động thảo luận giải quyết. Nếu vấn đề gì Bộ Lao động không giải quyết được thì Bộ Lao động sẽ báo cáo lên Thủ tướng phủ giải quyết.

Hà nội, ngày 6 tháng 1 năm 1958

T. L. Thủ tướng Chính phủ
Chủ nhiệm văn phòng công nghiệp
Thủ tướng phủ
LÊ THANH NGHỊ

NGHỊ ĐỊNH số 306-TTg ngày 20-6-1958
quy định cấp bậc quân hàm **Quân đội**
nhân dân Việt-nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật quy định chế độ phục vụ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt nam đã được Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa thông qua trong khóa họp thứ 8 ngày 29 tháng 4 năm 1958 và được ban hành do sắc lệnh số 109-SL/L11 ngày 31 tháng 5 năm 1958;

Căn cứ tình hình tổ chức, biên chế và cán bộ của Quân đội;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Cấp bậc quân hàm biên chế chính thức của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt-nam quy định như sau:

Trung đội trưởng	Thiếu úy
Đại đội phó	Trung úy
Đại đội trưởng	Thượng úy
Tiểu đoàn phó	Đại úy
Tiểu đoàn trưởng	Thiếu tá
Trung đoàn phó	Trung tá

Trung đoàn trưởng	Thượng tá
Sư đoàn phó, Lữ đoàn trưởng	Đại tá
Sư đoàn trưởng	Thiếu tướng

Cấp bậc quân hàm biên chế chính thức tương đương với những chức vụ cao hơn chức vụ sư đoàn trưởng sẽ tùy yêu cầu của Quân đội và trình độ của cán bộ mà quyết định.

Điều 2. — Tùy theo nhu cầu của Quân đội và khả năng của cán bộ, sĩ quan ở mỗi cấp có thể được bổ nhiệm giữ một trong những chức vụ như dưới đây hoặc những chức vụ tương đương:

— Thiếu úy có thể giữ các chức vụ:	Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng.
— Trung úy có thể giữ các chức vụ:	Trung đội trưởng, Đại đội phó, Tiểu đoàn phó.
— Thượng úy có thể giữ các chức vụ:	Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng.
— Đại úy có thể giữ các chức vụ:	Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn phó.
— Thiếu tá có thể giữ các chức vụ:	Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng.
— Trung tá có thể giữ các chức vụ:	Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Sư đoàn phó.
— Thượng tá có thể giữ các chức vụ:	Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Sư đoàn phó, Sư đoàn trưởng.
— Đại tá có thể giữ các chức vụ:	Lữ đoàn trưởng, Sư đoàn phó, Sư đoàn trưởng, Quân khu trưởng, Tư lệnh binh chủng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục, Tổng tham mưu phó.

Việc bổ nhiệm các sĩ quan từ cấp Thiếu tướng trở lên giữ các chức vụ trong Quân đội sẽ tùy tình hình cụ thể mà quyết định.

Điều 3. — Căn cứ vào tình hình tổ chức, biên chế của Quân đội và chức vụ của cán bộ hiện nay, để khuyến khích cán bộ nỗ lực học tập và cố gắng công tác, khi phong quân hàm lần đầu tiên, nói chung có thể phong dưới cấp bậc quân hàm biên chế chính thức một cấp, có trường hợp phong dưới hai cấp, có trường hợp phong ngang cấp.

Điều 4. — Cấp bậc quân hàm biên chế chính thức của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 5. — Những quy định trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 20 tháng 6 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 307-TTg ngày 20-6-1958 ban hành điều lệ quy định quân hiệu cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật quy định chế độ phục vụ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt nam đã được Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa thông qua trong khóa họp thứ 3 ngày 29 tháng 4 năm 1958 và được ban hành do sắc lệnh số 109-SL-L11 ngày 31 tháng 5 năm 1958;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ họp tháng 3 năm 1958 đã thông qua mẫu quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của quân đội nhân dân Việt nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành điều lệ quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt nam định theo nghị định này.

Điều 2. — Những quy định trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 20 tháng 6 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐIỀU LỆ

QUY ĐỊNH QUÂN HIỆU, CẤP HIỆU, PHÙ HIỆU VÀ LỄ PHỤC CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 1. — Quân hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt nam hình tròn đường kính 32 ly, giữa có sao vàng theo hình sao quốc kỳ xung quanh có hai bông lúa. Phía dưới 2 bông lúa có nửa bánh xe màu vàng. Bên ngoài 2 bông lúa có vành màu vàng.

Quân hiệu Lục quân: Sao màu vàng đặt trên nền đỏ tươi.

Quân hiệu Thủy quân: Sao màu vàng và mỏ neo đỏ đặt trên nền xanh nước biển.

Quân hiệu Không quân: Sao màu vàng và hai cánh chim trắng đặt trên nền xanh da trời.